

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2018/DS-ST.

Ngày: 30-11-2018.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SÓC TRĂNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Lâm.

Ông Trần Thanh Răng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Kim Yến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Lý Thị Hồng Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2018/TLST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2018, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2018/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2018/QĐST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng thương mại cổ phần B.

Địa chỉ: phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S, chức vụ: Tổng giám đốc; cư trú tại phường Q, quận C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Dương Ngọc A, cư trú tại ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hậu Giang, văn bản ủy quyền số 886/2018/QĐ ngày 05 tháng 10 năm 2018 (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971; cư trú tại ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện lập ngày 06 tháng 9 năm 2018 của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện của nguyên đơn ông Dương Ngọc A trình bày:

Ông Nguyễn Văn T vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần B Chi nhánh H - Phòng giao dịch T, địa chỉ thị trấn C, huyện C, tỉnh Hậu Giang theo Hợp đồng tín dụng số 0080245CT003L2 ngày 03 tháng 8 năm 2016, cụ thể: Số tiền vay 190.000.000 đồng, thời hạn cho vay 60 tháng, phương thức cho vay từng lần, kỳ hạn trả nợ gốc vào ngày 20 hàng tháng, trả 60 kỳ, 59 kỳ đầu trả 3.200.000 đồng/kỳ, kỳ cuối trả 1.200.000 đồng, bắt đầu trả kỳ đầu tiên từ ngày 20 tháng 9 năm 2016, kỳ hạn trả lãi cùng kỳ trả nợ gốc, ngày trả nợ cuối cùng 02/08/2021, mục đích sử dụng vốn là tiêu dùng và phục vụ phát triển kinh tế gia đình, lãi suất cho vay cố định 10,6%/năm từ ngày 03/08/2016 đến ngày 02/08/2017, sau ngày 02/08/2017 áp dụng lãi suất thả nổi định kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần theo quy định của Ngân hàng thương mại cổ phần B (sau đây gọi tắt là Ngân hàng), lãi suất phạt quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 20/9/2017, ông T đã trả cho Ngân hàng được 13 kỳ với số tiền 63.218.744 đồng (trong đó nợ gốc 41.600.000 đồng và nợ lãi 21.618.744 đồng), kể từ sau kỳ trả nợ ngày 20/9/2017 thì ông T không thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng nữa. Ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày 30 tháng 11 năm 2018, ông T còn phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn gốc 148.400.000 đồng, lãi trong hạn 25.302.432 đồng, lãi quá hạn 4.570.668 đồng (tiền lãi tính từ ngày 21/9/2017 đến ngày 30/11/2018). Tổng cộng nợ gốc, lãi là 178.273.100 đồng.

Nay ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn T thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngay cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 0080245CT003L2 ngày 03 tháng 8 năm 2016, với số tiền vốn gốc 148.400.000 đồng, lãi trong hạn 25.302.432 đồng, lãi quá hạn 4.570.668 đồng. Tổng cộng nợ gốc, lãi là 178.273.100 đồng và phải chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng nêu trên đến khi khách hàng trả tất nợ cho Ngân hàng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số 339/TB-TLVA ngày 17 tháng 9 năm 2018, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông Nguyễn Văn T, nhưng ông T không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ 02 lần đối với ông T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và

hòa giải nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và cũng không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Khi nộp đơn khởi kiện, Ngân hàng căn cứ vào hợp đồng số 0080245CT003L2 ngày 03 tháng 8 năm 2016, giữa bên cho vay là Ngân hàng thương mại cổ phần B Chi nhánh H - Phòng giao dịch T với bên vay là ông Nguyễn Văn T, địa chỉ nơi thường trú ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Ngân hàng có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng buộc ông Nguyễn Văn T phải trả cho Ngân hàng số tiền vay vốn gốc và lãi suất theo quy định của hợp đồng. Tòa án nhân dân huyện M đã thụ lý đơn và thông báo cho Ngân hàng nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và Ngân hàng đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng thụ lý việc khởi kiện của Ngân hàng là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn T phải trả số tiền vốn gốc 148.400.000 đồng, lãi trong hạn 25.302.432 đồng, lãi quá hạn 4.570.668 đồng. Tổng cộng nợ gốc, lãi là 178.273.100 đồng và phải chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng nêu trên đến khi khách hàng trả hết nợ cho Ngân hàng.

[4] Xét yêu cầu của Ngân hàng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Vào ngày 03/8/2016, ông Nguyễn Văn T có ký hợp đồng tín dụng số 0080245CT003L2 với Ngân hàng thương mại cổ phần B Chi nhánh H - Phòng giao dịch T. Theo hợp đồng thì Ngân hàng cho ông Nguyễn Văn T vay số tiền 190.000.000 đồng vào ngày 03/8/2016 với các thỏa thuận: Thời hạn cho vay 60 tháng, phương thức cho vay từng lần, kỳ hạn trả nợ gốc vào ngày 20 hàng tháng, trả 60 kỳ, 59 kỳ đầu trả 3.200.000 đồng/kỳ, kỳ cuối trả 1.200.000 đồng, bắt đầu trả kỳ đầu tiên từ ngày 20 tháng 9 năm 2016, kỳ hạn trả lãi cùng kỳ trả nợ gốc, ngày trả nợ cuối cùng 02/08/2021, mục đích sử dụng vốn là tiêu dùng và phục vụ phát triển kinh tế gia đình, lãi suất cho vay cố định 10,6%/năm từ ngày 03/08/2016 đến ngày 02/08/2017, sau ngày 02/08/2017 áp dụng lãi suất thả nổi định kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần theo quy định của Ngân hàng thương mại cổ phần B, lãi suất phạt quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 30/11/2018, ông Nguyễn Văn T đã trả cho Ngân hàng được 13 kỳ với số tiền 63.218.744 đồng (trong đó nợ gốc 41.600.000 đồng và nợ lãi 21.618.744 đồng), kể từ sau kỳ trả nợ ngày 20/9/2017 thì ông T không thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng nữa. Đến nay, ông T còn nợ Ngân hàng số tiền vốn gốc 148.400.000 đồng, lãi trong hạn 25.302.432 đồng, lãi quá hạn 4.570.668 đồng (tiền lãi tính từ ngày 21/9/2017 đến ngày 30/11/2018). Tổng cộng nợ gốc, lãi là 178.273.100 đồng.

[5] Xét lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ và phù hợp với hợp đồng tín dụng số 0080245CT003L2 ký ngày 03/8/2016 giữa bên cho vay là Ngân hàng thương mại cổ phần B Chi nhánh H - Phòng giao dịch T với bên vay là ông Nguyễn Văn T, phù hợp với giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ lập ngày 03/8/2016 thể hiện ông Nguyễn Văn T đã nhận số tiền vay 190.000.000 đồng và phù hợp với bản kê chi tiết gốc, lãi vay do Ngân hàng lập ngày 30/11/2018.

[6] Như vậy, có đủ căn cứ để Hội đồng xét xử khẳng định vào ngày 03/8/2016, bị đơn ông Nguyễn Văn T có ký hợp đồng tín dụng số 0080245CT003L2 với Ngân hàng thương mại cổ phần B Chi nhánh H - Phòng giao dịch T vay số tiền 190.000.000 đồng với nội dung thỏa thuận như đã nêu trên. Ông Nguyễn Văn T đã trả cho Ngân hàng được 13 kỳ với số tiền 63.218.744 đồng (trong đó nợ gốc 41.600.000 đồng và nợ lãi 21.618.744 đồng), kể từ sau kỳ trả nợ ngày 20/9/2017 thì ông T không thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng nữa. Đến ngày 30/11/2018, ông T còn nợ Ngân hàng số tiền vốn gốc 148.400.000 đồng, lãi trong hạn 25.302.432 đồng, lãi quá hạn 4.570.668 đồng (tiền lãi tính từ ngày 21/9/2017 đến ngày 30/11/2018). Tổng cộng nợ gốc, lãi là 178.273.100 đồng.

[7] Theo khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định “Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật” và theo khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Đồng thời, trong hợp đồng tín dụng nêu trên cũng đã thỏa thuận bên vay là ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Văn T đã không trả đầy đủ, đúng hạn. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả tiền vốn gốc và lãi nêu trên là có căn cứ chấp nhận.

[8] Từ những nhận định trên, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn Thạch có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện Liên Việt số tiền như sau: Số tiền vay vốn gốc 148.400.000 đồng, lãi trong hạn 25.302.432 đồng, lãi quá hạn 4.570.668 đồng (tiền lãi tính từ ngày 21/9/2017 đến ngày 30/11/2018). Tổng cộng nợ gốc và lãi là 178.273.100 đồng

[9] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Văn T còn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay (Ngân hàng thương mại cổ phần B) thì lãi suất mà khách hàng vay (ông T) phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[10] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bị đơn ông Nguyễn Văn T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $5\% \times 178.273.100 \text{ đồng} = 8.913.655 \text{ đồng}$.

[12] Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;
- Khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B.

2. Xử buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền vay vốn gốc còn nợ là 148.400.000 đồng, lãi trong hạn 25.302.432 đồng, lãi quá hạn 4.570.668 đồng (tiền lãi tính từ ngày 21/9/2017 đến ngày 30/11/2018). Tổng cộng nợ gốc và lãi là 178.273.100 đồng (một trăm bảy mươi tám triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn một trăm đồng).

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Văn T còn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay (Ngân hàng thương mại cổ phần B) thì lãi suất mà khách hàng vay (ông T) phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Về án phí:

4.1. Bị đơn ông Nguyễn Văn T phải chịu 8.913.655 đồng (tám triệu chín trăm mười ba nghìn sáu trăm năm mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp 4.204.431 đồng (bốn triệu hai trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm ba mươi một đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/ 0003506 ngày 14 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày

nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Phước Tuấn